

HỒ NGUYỄN KHA*

TÌM HIỂU VỀ CƠ CHẾ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM THUỘC HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM (MIỀN NAM)

Tóm tắt: Dự án Hiến chương của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam vào năm 1970 đã khởi xướng mô hình tam quyền phân lập trong tổ chức giáo hội, từ đó hình thành thêm cơ chế Đại Hội đồng Giáo phẩm, Hội đồng Giám sát và Hội đồng Kỷ luật đóng vai trò cơ quan tư pháp, bên cạnh cơ quan hành pháp là Ban Trị sự Tổng Liên hội và cơ quan lập pháp là Đại Hội đồng Tổng Liên hội. Hiến chương 2001 của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã kế thừa và điều chỉnh mô hình đó cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cơ chế Hội đồng Giáo phẩm trong thực tế đã nảy sinh nhiều xung đột về quyền hạn và nhiệm vụ, dẫn đến những tranh luận dai dẳng trong giáo hội. Những tồn tại đó chỉ mới được giải quyết gần đây, thông qua việc sửa đổi những điều khoản trong Hiến chương và Nội quy của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) liên quan đến thẩm quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Giáo phẩm và Hội đồng Giáo phẩm. Từ đó giúp xác định rõ vai trò hiện nay của cơ chế Hội đồng Giáo phẩm của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam).

Từ khóa: Đạo Tin Lành, Hội đồng Giáo phẩm, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), cơ chế hoạt động

Dẫn nhập

Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) là một tổ chức tôn giáo có lịch sử hình thành và phát triển từ năm 1911, bắt nguồn từ nỗ lực truyền giáo của Hội Truyền giáo Phước âm Liên hiệp (The Christian and Missionary Alliance – CMA) Hoa Kỳ tại Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX [Lê Hoàng Phu, 2010: 95-100]. Từ khi chính thức tổ chức dưới tên gọi Hội Tin Lành Đông Pháp vào năm 1927 [Lê

* Ủy viên, Ban Trị sự Tổng Liên hội, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam).
Ngày nhận bài: 27/5/2024; Ngày biên tập: 17/12/2024; Duyệt đăng: 12/3/2025.

Hoàng Phu, 2010: 148-149], trong bối cảnh những thay đổi về chính trị và xã hội, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) cũng đã trải qua nhiều thay đổi đáng kể về tổ chức giáo hội.

Năm 2001, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được công nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 15/QĐ-TGCP ngày 16/3/2001 của Ban Tôn giáo Chính phủ, với Hiến chương ban hành cùng năm gồm 10 chương, 79 điều, trong đó quy định rõ về tổ chức giáo hội. So với bản Điều lệ của Hội Thánh, Hiến chương 2001 có nhiều thay đổi quan trọng, đặc biệt là việc thiết lập cơ chế Hội đồng Giáo phẩm, theo quy định tại Điều 41. Kể từ khi Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ nhất được tổ chức vào ngày 5-6/9/2002 và bầu ra Hội đồng Giáo phẩm nhiệm kỳ đầu tiên, trong hơn 20 năm qua đã có nhiều thảo luận, quyết nghị và điều chỉnh liên quan đến cơ chế Hội đồng Giáo phẩm trong tổ chức Hội Thánh.

Liên quan đến cơ cấu tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), một số nghiên cứu đã được công bố như: bài viết “Hệ thống tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam thời kỳ đầu (1927–1954)” của Nguyễn Xuân Hùng (2017) trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*; bài viết: “Cơ cấu tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) ở tỉnh Gia Lai” của Trần Thị Hồng Yến (2020) trên *Tạp chí Dân Tộc học*; và công trình *Đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam* của Nguyễn Thanh Xuân (tái bản và bổ sung, 2019),... Ngoài ra, còn có nhiều bài viết đăng tải trên các cổng thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu này tập trung vào tổ chức hành chính của Hội Thánh, với ba cấp (Tổng Liên hội, Địa hạt Liên hội, Chi hội) trong giai đoạn trước năm 2001, hoặc hai cấp (Tổng Liên hội Chi hội) trong giai đoạn từ 2001 đến nay. Trong khi đó, cơ chế Hội đồng Giáo phẩm – tuy không phải là một cấp hành chính – lại có vai trò quan trọng theo Hiến chương, nhưng vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ. Những đề cập về cơ chế này chỉ dừng lại ở mức độ thông tin sơ lược, như Mục sư Thái Phước Trường trong quyển *Hội Thánh Tin Lành Việt Nam - 100 năm hình thành và phát triển*.

Vì vậy, xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu nói trên, bài viết nhằm cung cấp cho độc giả một cái nhìn tổng quan về quá trình hình thành, những thay đổi, vai trò và hoạt động hiện nay của Hội đồng Giáo phẩm thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) trên cơ sở phân tích tư liệu thứ cấp và những kinh nghiệm cá nhân.

1. Cơ chế mới trong Dự thảo Hiến chương 1970: Hội đồng Giám sát và Hội đồng Kỷ luật

Để hiểu rõ nguyên nhân hình thành cơ chế Hội đồng Giáo phẩm trong tổ chức Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), cần quay trở lại bối cảnh hơn nửa thế kỷ trước, khi Dự án Hiến chương năm 1970 được xây dựng bởi Ủy ban Tái tu chỉnh Điều lệ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 37 (24–28/5/1970) [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1970: 1].

Khoản 4, Điều 9 và Điều 11 Hiến chương năm 1970 đã đề xuất thiết lập hai cơ chế mới bao gồm: Hội đồng Kỷ luật do Đại Hội đồng Giáo phẩm bầu ra, và Hội đồng Giám sát do Đại Hội đồng Giáo phẩm và Đại Hội đồng Tổng Liên hội bầu ra. Tại thời điểm đó, Đại Hội đồng Giáo phẩm, Hội đồng Giám sát, và Hội đồng Kỷ luật là những thiết chế hoàn toàn mới, chưa từng xuất hiện trong Hội Thánh Tin Lành Việt Nam trong các bản Điều lệ năm 1928, 1936 và các lần tu chỉnh vào các năm 1952, 1957, 1958. Thành phần gồm: Một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch, một Thư ký và hai Hội viên với nhiệm kỳ kéo dài đến kỳ Đại Hội đồng Giáo phẩm kế tiếp (theo Điều 11 là tổ chức hằng năm). Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Kỷ luật là theo dõi và duy trì trật tự trong hàng giáo phẩm [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1970: 25].

Hội đồng Giám sát có vị thế quan trọng hơn và quy trình bầu cử cũng phức tạp hơn, với sự tham gia của cả hai Đại Hội đồng. Trước hết, Đại Hội đồng Giáo phẩm sẽ bầu kín hai Mục sư. Tiếp theo, trong Đại Hội đồng Tổng Liên hội diễn ra ngay sau đó, các đại biểu tín hữu sẽ bầu kín hai đại biểu tín hữu. Sau khi Tân Ban Trị sự Tổng Liên hội được bầu, Ban này sẽ chọn thêm một Mục sư nữa bằng hình thức bỏ phiếu kín để bổ sung vào Hội đồng Giám sát. Sau cùng, cả năm vị đã được bầu chọn sẽ trình diện trước Đại Hội đồng Tổng Liên hội, để bầu ra các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và hai Hội viên trong số năm người này, trong đó chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch bắt buộc phải là Mục sư đương chức [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1970: 22].

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Giám sát được quy định tại điểm c, Khoản 4, Điều 9, Dự án Hiến chương 1970: “theo dõi và kiểm soát các hoạt động của Tổng Liên hội, Giáo hạt, Giáo sở các cơ quan từ ngày bế mạc Đại Hội đồng đến ngày khai mạc Đại Hội đồng kế

tiếp”. Việc theo dõi và kiểm soát được bản Nội quy làm rõ thêm rằng: “Hội đồng Giám sát có nhiệm vụ thu thập dữ kiện liên quan đến các vụ tố tụng trong toàn hệ thống giáo hội, điều tra, xác minh, khuyến cáo hoặc đề nghị Ban Trị sự Tổng Liên hội biện pháp xử lý. Nếu sau ba lần khuyến cáo mà không được thực thi, Hội đồng Giám sát có quyền yêu cầu triệu tập Đại Hội đồng bất thường để thẩm định vụ việc [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1970: 23].

Có thể nhận thấy, Ủy ban Tái tu chính Điều lệ đề xuất Dự án Hiến chương năm 1970 một mô hình tổ chức theo nguyên tắc tam quyền phân lập (trias politica) trong tổ chức Hội Thánh Tin Lành Việt Nam. Trong đó, Đại Hội đồng Tổng Liên hội là cơ quan lập pháp “có toàn quyền quyết định về việc phát triển giáo hội, chấp nhận hoặc phủ quyết mọi vấn đề thuộc mọi phạm vi hoạt động của giáo hội” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1970: 7]. Ban Trị sự Tổng Liên hội là cơ quan hành pháp với nhiệm vụ thi hành Hiến chương, quyết nghị, thực hiện công tác tổ chức, nhân sự và kỷ luật [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1970: 7–8]. Hội đồng Giám sát là cơ quan tư pháp do Đại Hội đồng Tổng Liên hội bầu để giải quyết các vụ tố tụng. Ngoài ra, còn có Hội đồng Kỷ luật Giáo phẩm do Đại Hội đồng Giáo phẩm lập ra.

Nhìn chung, mô hình tổ chức này chưa hoàn chỉnh, còn nhiều bất cập và mâu thuẫn về quyền hạn, chồng chéo chức năng giữa các cơ quan. Đơn cử như việc kỷ luật giáo phẩm: vừa là trách nhiệm của Hội đồng Kỷ luật, vừa là quyền hạn của Ban Trị sự Tổng Liên hội, cũng vừa là thẩm quyền của Hội đồng Giám sát, nhưng không có sự phân định rõ ràng. Bản Dự án Hiến chương 1970 đã được phổ biến rộng rãi để đóng góp ý kiến và trải qua nhiều kỳ Đại Hội đồng, nhưng cuối cùng vẫn không được thông qua và không có hiệu lực thực thi [Phạm Xuân Tín, 1991: 58].

2. Cơ chế mới trong Hiến chương 2001: Hội đồng Giáo phẩm

Mặc dù mô hình tam quyền phân lập trong Dự án Hiến chương 1970 của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam không được áp dụng trên thực tế, mô hình này đã được Ban Soạn thảo Dự án Hiến chương 2001 nghiên cứu, tiếp thu và đề xuất thành mô hình tổ chức giáo hội như được thông qua tại Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 43 (7–9/2/2001). Trong văn bản Hiến chương, mô hình tam quyền phân lập không được thể hiện trực tiếp, nhưng xét theo chức năng các cơ quan trong tổ chức Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), có thể nhận

thấy: Đại Hội đồng Tổng Liên hội đảm nhiệm chức năng lập pháp; Ban Trị sự Tổng Liên hội thực thi chức năng hành pháp; và Đại Hội đồng Giáo phẩm - với Hội đồng Giáo phẩm là cơ quan thường trực - đảm nhiệm chức năng tư pháp.

Điều 28 Hiến chương 2001 của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) quy định: Đại Hội đồng Tổng Liên hội “có thẩm quyền cao nhất, chấp thuận hoặc phủ quyết các vấn đề liên quan đến toàn giáo hội, chất vấn, khiển trách hoặc miễn nhiệm các thành viên trong Ban Trị sự Tổng Liên hội. Đồng thời, cơ quan này còn “bầu cử và trao cho Ban Trị sự Tổng Liên hội quyền điều hành công việc của Giáo hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Đại Hội đồng” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2002: 20–21].

Ban Trị sự Tổng Liên hội được Đại Hội đồng Tổng Liên hội bầu chọn, và theo Điều 36 Hiến chương 2001, có nhiệm vụ như sau: Phân công các Ủy viên phụ trách cơ quan hoặc địa bàn; ban hành Nội quy, Giáo luật, Kỷ luật,...; lãnh đạo giáo hội; thi hành Hiến chương và các quyết nghị của Đại Hội đồng; tấn phong Mục sư; bổ nhiệm giáo phẩm; kỷ luật giáo phẩm; hiệp với Hội đồng Giáo phẩm xác định các giáo phái Tin Lành thuần túy, các tổ chức văn hóa xã hội có thể hiệp thông; tổ chức Đại Hội đồng và trả lời chất vấn... [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2002: 25–26].

Trong khi đó, Đại Hội đồng Giáo phẩm được thành lập nhằm “bầu cử Hội đồng Giáo phẩm, bồi linh, thảo luận về công tác mục vụ, giám sát công việc của Ban Trị sự Tổng Liên hội, xử lý kỷ luật trong nội bộ và triển khai chính sách tôn giáo của Chính phủ” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2002: 30].

Tại khoản 3, Điều 41, Nội quy 2001 của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) quy định nhiệm vụ của Đại Hội đồng Giáo phẩm:

- a) Bồi linh, kiểm thảo, và bàn định các công việc liên quan đến hàng giáo phẩm.
- b) Hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội giải quyết các vấn đề tranh chấp về tín lý và tổ chức.
- c) Tra xét, giải quyết những vấn đề Ban Trị sự Tổng Liên hội giải quyết chưa thỏa đáng.
- d) Giám sát việc điều hành giáo hội của Ban Trị sự Tổng Liên hội, khuyến nghị các biện pháp sửa sai và kỷ luật nếu cần thiết.

e) Kiểm tra sổ sách tài chính hằng năm.

g) Nếu có đủ bằng cứ vi phạm từ Chi hội hoặc hàng giáo phẩm, sau hai lần khuyến cáo không tuân theo, có quyền yêu cầu Ban Trị sự thi hành kỷ luật.

h) Hiệp với Ban Trị sự phổ biến chính sách tôn giáo của Chính phủ. [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2001: 32–33].

Khoản 4, Điều 41, Nội quy 2001 quy định về Hội đồng Giáo phẩm:

a) Thành viên không thuộc Ban Trị sự, là Mục sư đương chức từ 40 tuổi trở lên, có 20 năm chức vụ, có linh ân, năng lực, kinh nghiệm phục vụ.

b) Nhiệm kỳ 4 năm.

c) Nhiệm vụ: thay mặt và thi hành chức năng Đại Hội đồng Giáo phẩm giữa hai kỳ họp. [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2001: 33].

Một trong những nguyên tắc quan trọng của đạo Tin Lành nói chung là tính dân chủ, công khai, do đó việc thiết lập một cơ chế giám sát theo mô hình tam quyền phân lập đã được cả Ủy ban Tái tu chính Hiến chương 1970 và Ban Soạn thảo Hiến chương 2001 theo đuổi. Ban Soạn thảo Hiến chương 2001 đã điều chỉnh nhiều điểm về Đại Hội đồng Giáo phẩm và Hội đồng Giáo phẩm cho phù hợp với bối cảnh mới. Trong khi vẫn giữ Hội đồng Giám sát và Hội đồng Kỷ luật được thay thế bằng Hội đồng Giáo phẩm trong Hiến chương 2001. Nhiệm vụ “giám sát” của Hội đồng Giám sát và nhiệm vụ “theo dõi và duy trì trật tự của hàng giáo phẩm” được chuyển sang Đại Hội đồng Giáo phẩm, trong đó Hội đồng Giáo phẩm là cơ quan thường trực.

Bên cạnh đó, một thay đổi quan trọng khác là cơ cấu Địa hạt liên hội bị bãi bỏ cùng với các Hội đồng Địa hạt tổ chức hằng năm và các kỳ Đại Hội đồng Tổng Liên hội được tổ chức mỗi bốn năm một lần (Khoản 1, Điều 27), thay vì hằng năm như trước đây. Thay đổi này làm giảm tần suất thảo luận, quyết định các vấn đề chung của từng địa hạt cũng như toàn giáo hội, làm hạn chế việc giám sát nội bộ thường xuyên, vì phải đợi đến kỳ họp bốn năm một lần để tổng kết, trình bày và biểu quyết.

Hơn nữa, do đặc thù mục vụ, Đại Hội đồng Tổng Liên hội chỉ kéo dài 3 - 4 ngày để các đại biểu kịp trở về thực hiện công tác Chủ nhật, trong khi số lượng đại biểu ngày càng tăng - từ vài trăm lên hàng ngàn

người. Sự gia tăng này phản ánh sự phát triển về giáo phẩm, tín hữu và chi hội của Hội Thánh trong những năm gần đây, đến mức Đại hội lần thứ 48 phải xem xét phương án cắt giảm đại biểu. Do đó, với quy mô đại biểu lớn và thời gian giới hạn, thời gian và chất lượng thảo luận, quyết nghị bị hạn chế, vì phải ưu tiên các vấn đề hành chính và bầu cử nhân sự. Đôi lúc, nhiều vấn đề không đủ thời gian thảo luận, phải gác lại hoặc giao cho Ban Trị sự quyết định. Một số nghị quyết cũng không thể triển khai do thiếu sự bàn bạc kỹ lưỡng. Điều này làm giảm hiệu quả thực chất của cơ chế dân chủ trong giáo hội.

Vì vậy, cơ chế Đại Hội đồng Giáo phẩm tổ chức hằng năm theo Khoản 2, Điều 27 Hiến chương 2001 được kỳ vọng sẽ “hỗ trợ công việc lãnh đạo của Tổng Liên hội” [Nguyễn Thanh Xuân, 2019: 413]. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, mô hình này bộc lộ nhiều bất cập. Đại Hội đồng Tổng Liên hội là cơ quan đại diện cho cả giáo phẩm và đại biểu tín hữu, có thẩm quyền cao nhất trong giáo hội, trong khi Đại Hội đồng Giáo phẩm chỉ đại diện cho hàng giáo phẩm nên có vị trí pháp lý thấp hơn. Do đó, Hội đồng Giáo phẩm do Đại Hội đồng Giáo phẩm bầu ra chỉ có địa vị pháp lý thấp hơn Ban Trị sự Tổng Liên hội.

Trong khi Đại Hội đồng Giáo phẩm và Hội đồng Giáo phẩm không ngang hàng với hai cơ quan chủ chốt, quyền giám sát, tra xét, kiểm tra, khuyến cáo Ban Trị sự Tổng Liên hội lại được Hiến chương 2001 giao cho Đại Hội đồng Giáo phẩm, và Nội quy 2001 còn trao các quyền tương ứng cho Hội đồng Giáo phẩm. Điều này dẫn đến bất cập trong cơ chế, gây ra căng thẳng và xung đột giữa hai cơ quan như nhận định của Mục sư Thái Phước Trường, Hội trưởng Hội Thánh: “Cơ chế này đã đem đến biết bao khó khăn trong sự điều hành... Hội đồng Giáo phẩm thay vì hỗ trợ... lại đòi có quyền hành; lại đến sự điều hành của Tổng Liên hội và các Chi hội nhiều hơn” [Thái Phước Trường, 2011: 143].

Vì vậy, vấn đề về cơ chế này liên tục trở thành nội dung tranh luận trong các kỳ đại hội.

Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ nhất được tổ chức vào ngày 5–6/9/2002, tại Nhà thờ Tin Lành Nguyễn Tri Phương, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại hội đã bầu ra Hội đồng Giáo phẩm đầu tiên gồm: Mục sư Đinh Thống giữ chức Chủ tịch, Mục sư Nguyễn Đình Hiệu, Mục sư Huỳnh Thiên Bửu, và hai Ủy viên là Mục sư Khấu Anh Tuấn và Mục sư Y Siêk Niê [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2002: 4].

Sau một năm hoạt động dưới cơ chế mới, Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ hai được tổ chức tại Nhà thờ Tin Lành Sài Gòn vào ngày 10–11/9/2003, nơi diễn ra các cuộc thảo luận và thống nhất Biên bản với đề xuất: “Hoàn thiện Quy chế về Hội đồng Giáo phẩm, và sửa đổi Hiến chương để tránh sự chồng chéo giữa chức năng, nhiệm vụ của Ban Trị sự Tổng Liên hội và Hội đồng Giáo phẩm” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2003: 2].

Hai năm sau, Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 44 được tổ chức tại Nhà thờ Tin Lành Sài Gòn, từ ngày 1–4/3/2005, tranh luận về cơ chế Hội đồng Giáo phẩm tiếp tục diễn ra sôi nổi. Cuối cùng, Đại Hội đồng biểu quyết: “Không đồng ý cho các thành viên Hội đồng Giáo phẩm ứng cử vào Ban Trị sự Tổng Liên hội”. Đồng thời, “giữ nguyên cơ chế Đại Hội đồng Giáo phẩm và chỉnh sửa những vướng mắc hầu cho Hội đồng Giáo phẩm làm việc hiệu quả hơn” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2005: 4, 6].

Ba năm sau, Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ tư diễn ra tại Nhà thờ Tin Lành Nha Trang, ngày 23–24/9/2008, nhận thấy có nhiều bất cập chưa thể giải quyết, nên đề xuất giải thể cơ chế Hội đồng Giáo phẩm được đưa ra biểu quyết. Tuy nhiên, đa số đại biểu vẫn bỏ phiếu giữ nguyên cơ chế này [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2008: 4].

Nhưng đề tài thảo luận này vẫn chưa thể kết thúc. Bốn năm sau, vấn đề cơ chế Hội đồng Giáo phẩm một lần nữa được đưa ra bàn thảo tại Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 6 (16–18/10/2012). Sau khi thảo luận, Đại Hội đồng biểu quyết với kết quả: 7/723 đại biểu đề nghị giải thể Hội đồng Giáo phẩm; 46/723 đại biểu đề nghị thay đổi Đại Hội đồng Giáo phẩm thành Hội đồng Bồi linh Mục sư – Truyền đạo (từ năm 2022, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) đã tổ chức Hội đồng Mục sư, Truyền đạo theo mô hình này); 119/723 đại biểu đề nghị trình Đại Hội đồng Tổng Liên hội quyết định; và 442/723 đại biểu đồng ý giữ nguyên cơ chế Hội đồng Giáo phẩm [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2012: 3–4].

Một năm sau, tại Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 46 (11–16/11/2013 tại Viện Thánh Kinh Thần Học), đề xuất giải thể Hội đồng Giáo phẩm lại tiếp tục được nêu ra, nhưng cuối cùng Đại Hội đồng vẫn biểu quyết: “Giữ nguyên cơ chế Hội đồng Giáo phẩm như vốn có” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2013: 7].

Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 46, nhằm tháo gỡ những vướng mắc và kiện toàn cơ chế Hội đồng Giáo phẩm, Mục sư Lê Hoàng Long – Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm – đã thay mặt Hội đồng đề xuất ba nội dung tại Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 7 (26–28/8/2014), được thông qua để trình Đại Hội đồng Tổng Liên hội, gồm: Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm cần chuyên trách trọn thời gian, đồng thời là một thành viên chính thức của Ban Trị sự Tổng Liên hội. Vì vậy, đề nghị tu chính Hiến chương, bổ sung một Phó Hội trưởng thứ ba (Phó Hội trưởng III), phụ trách linh vụ và kiêm Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm. Đề nghị sửa Điều 41, khoản 1 của Hiến chương, thay cụm từ “giám sát Ban Trị sự Tổng Liên hội” bằng “hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội”. Đề nghị sửa Nội quy, Điều 41, khoản 4, điểm c về nhiệm kỳ của Hội đồng Giáo phẩm là 4 năm [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2014: 5, 7].

Những đề nghị trên đã được Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 47 (17–21/7/2017) thảo luận và biểu quyết:

a) Chấp thuận thay đổi cụm từ “giám sát Ban Trị sự Tổng Liên hội” thành “hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội” trong Điều 41 của Hiến chương 2001.

b) Không đồng ý bổ sung Phó Hội trưởng III kiêm Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm.

c) Giao cho Tân Ban Trị sự Tổng Liên hội căn cứ Nội quy, Quy chế để quyết định nhiệm kỳ Hội đồng Giáo phẩm [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2017: 6].

Như vậy, để thay đổi nhiệm vụ của Hội đồng Giáo phẩm từ “giám sát Ban Trị sự Tổng Liên hội” sang “hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội,” Hội Thánh đã trải qua một tiến trình thảo luận kéo dài trong nhiều kỳ Đại hội, với hàng loạt nghị quyết từ năm 2002 – khi Hội đồng Giáo phẩm đầu tiên được bầu – đến năm 2017, khi Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 47 chính thức thông qua sửa đổi.

3. Vai trò và hoạt động của Hội đồng Giáo phẩm trong tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) hiện nay

Với những nghị quyết sửa đổi về Đại Hội đồng Giáo phẩm và cơ chế Hội đồng Giáo phẩm nêu trên, các nghị quyết sửa đổi đã được thông qua liên quan đến cơ chế Đại Hội đồng Giáo phẩm và Hội đồng Giáo phẩm, Điều 41 Hiến chương của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) quy định về Đại Hội đồng Giáo phẩm như sau:

1) Mục đích: Đại hội đồng Giáo phẩm là Đại hội đại biểu hàng Giáo phẩm, họp hai (02) năm một lần, do Ban Trị sự Tổng Liên hội triệu tập, nhằm mục đích bầu cử Hội đồng Giáo phẩm, bồi linh, thảo luận về công tác mục vụ, hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội, xử lý kỷ luật trong nội bộ và triển khai chính sách tôn giáo của Chính phủ (nếu có).

2) Đại biểu Đại hội đồng Giáo phẩm: Ban Trị sự Tổng Liên hội; Mục sư, Mục sư Nhiệm chức, Truyền đạo và Nữ Truyền đạo; Mục sư, Truyền đạo hưu trí, quả phụ và vợ Mục sư được mời tham dự với tư cách Đại biểu không chính thức.

3) Quyền hạn Đại biểu Đại hội đồng Giáo phẩm: Có quyền chất vấn Hội đồng Giáo phẩm, ứng cử, bầu cử, và có trách nhiệm tuân thủ nội quy, kỷ luật Đại hội đồng” [Hồ Nguyên Kha, 2022: 17–18].

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 27 Hiến chương cũng quy định cụ thể: “Đại Hội đồng Giáo phẩm họp hai năm một lần” [Hồ Nguyên Kha, 2022: 11].

Theo đó, nhiệm vụ của Đại Hội đồng Giáo phẩm cũng có sự điều chỉnh, bao gồm:

“a) Bồi linh, kiểm thảo, và bàn định các công việc liên quan đến hàng giáo phẩm.

b) Thông qua báo cáo hoạt động và khai trình tài chánh của Hội đồng Giáo phẩm.

c) Hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội giải quyết các vấn đề liên quan đến tín lý và tổ chức giáo hội.

d) Bầu cử Hội đồng Giáo phẩm.

e) Hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội phổ biến các đường lối, chính sách tôn giáo của Chính phủ (nếu có)” [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2016: 52].

Các nhiệm vụ mang tính giám sát và kiểm tra từng được giao cho Đại Hội đồng Giáo phẩm nay đều được chuyển giao cho Đại Hội đồng Tổng Liên hội thực thi theo Điều 28, 32 và 33 Hiến chương 2001.

Chiếu theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 47, Điều 41, Nội quy 2016 của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) cũng được sửa đổi theo hướng điều kiện ứng cử vào Hội đồng Giáo phẩm không còn quy định bắt buộc là Mục sư đương chức và

ngoài Ban Trị sự Tổng Liên hội [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2016: 52]. Một minh chứng cho sự thay đổi này là: từ năm 2017, Mục sư Nguyễn Thế Hiển, khi đang là Phó Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm (nhiệm kỳ 2016–2018), đã đắc cử Ủy viên Ban Trị sự Tổng Liên hội (nhiệm kỳ 2017–2021), và tái đắc cử chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm (nhiệm kỳ 2018–2020) trong khi đang là Ủy viên Ban Trị sự Tổng Liên hội. Sau đó còn có Mục sư Châu Tử Tôn, Thư ký Hội đồng Giáo phẩm, trúng cử làm Ủy viên Ban Trị sự Tổng Liên hội (nhiệm kỳ 2022–2026).

Tuy nhiên, trong khi yêu cầu về tuổi tác nâng lên từ 40 lên 45 tuổi, thì số năm phục vụ kể từ khi bổ nhiệm lại được giảm từ 20 năm xuống 18 năm. Sự thay đổi này phản ánh đặc điểm mới về đào tạo, phong phẩm và bổ nhiệm hàng giáo phẩm hiện nay so với thời điểm trước năm 2001.

Về thành phần của Hội đồng Giáo phẩm bao gồm các chức danh chính sau:

Chủ tịch: Đồng chủ tọa Đại Hội đồng Giáo phẩm cùng Hội trưởng Tổng Liên hội, có trách nhiệm triệu tập và điều hành các cuộc họp, đồng thời chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Hội đồng Giáo phẩm.

Phó Chủ tịch: Hỗ trợ Chủ tịch trong công tác điều hành và đảm nhận vai trò thay thế khi Chủ tịch vắng mặt.

Thư ký: Ghi chép biên bản các cuộc họp, soạn thảo và lưu giữ toàn bộ văn thư, tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng Giáo phẩm.

Hai Ủy viên: Tham gia thảo luận và thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công hoặc ủy nhiệm từ Hội đồng.

Nhiệm kỳ của Hội đồng Giáo phẩm là hai năm và không giới hạn số lần tái cử như đối với các thành viên Ban Trị sự Tổng Liên hội, vốn chỉ được giữ chức không quá hai nhiệm kỳ [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2016: 53], nhưng qua các nhiệm kỳ, Hội đồng luôn duy trì sự đại diện từ các vùng miền trọng yếu như Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ. Tuy đôi khi sự phân vùng không rõ ràng do thay đổi nhiệm sở, song sự hiện diện đa vùng góp phần tạo nên tính đại diện và cân bằng trong Hội đồng.

Về nhiệm vụ của Hội đồng Giáo phẩm:

Hội đồng Giáo phẩm thực hiện các nghị quyết của Đại Hội đồng Giáo phẩm trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp.

Hội đồng Giáo phẩm nhắc nhở và khích lệ hàng giáo phẩm sống đúng tư cách người hầu việc Chúa và tuân thủ nguyên tắc tổ chức của Hội Thánh.

Hiệp với Ban Trị sự Tổng Liên hội trong việc tổ chức các chương trình bồi linh và huấn luyện mục vụ cho hàng giáo phẩm [HTTLVN(MN), 2016: 53–54].

Về kinh phí hoạt động, Hội đồng Giáo phẩm được hỗ trợ kinh phí hằng tháng từ ngân quỹ của Tổng Liên hội. Mỗi năm, Hội đồng Giáo phẩm phải lập báo cáo tài chính, trình sổ sách thu chi để Ban Trị sự Tổng Liên hội kiểm tra [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2016: 54]. Điều này cho thấy sự đảo chiều vai trò: từ một cơ quan có chức năng giám sát, Hội đồng Giáo phẩm giờ đây trở thành đối tượng được giám sát tài chính bởi Ban Trị sự Tổng Liên hội.

Trong khi đó, chức năng giám sát Ban Trị sự Tổng Liên hội hiện nay do Đại Hội đồng Tổng Liên hội đảm nhiệm, theo quy định tại Điều 32 và 33 của Nội quy 2016 [Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), 2016: 40–42].

Như vậy, vai trò của Hội đồng Giáo phẩm trong cơ cấu tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã có sự thay đổi rõ rệt so với giai đoạn đầu thành lập hơn hai thập kỷ trước. Đại Hội đồng Giáo phẩm cùng với cơ quan thường trực của nó là Hội đồng Giáo phẩm, trước kia giữ vai trò giám sát, nay trở thành cơ quan hỗ trợ và hiệp tác với Ban Trị sự Tổng Liên hội trong việc thăm viếng và nâng đỡ chức vụ giáo phẩm.

Các nghị quyết do Đại Hội đồng Giáo phẩm thông qua hiện nay chỉ mang tính đề xuất, phải được Ban Trị sự Tổng Liên hội chấp thuận hoặc trình lên Đại Hội đồng Tổng Liên hội để quyết nghị.

Hơn nữa, Đại Hội đồng Giáo phẩm được tổ chức hai năm một lần với số lượng đại biểu đông đảo (trên 1.000 người), nhưng thời lượng chương trình thường chỉ kéo dài từ một đến ba ngày và chủ yếu dành cho bầu cử, huấn luyện, và bồi linh, nên thời gian thảo luận sâu các vấn đề lớn của giáo hội là rất hạn chế.

Bên cạnh việc phối hợp tổ chức Đại Hội đồng Giáo phẩm định kỳ hai năm một lần với Ban Trị sự Tổng Liên hội, hoạt động thường

xuyên của Hội đồng Giáo phẩm hiện nay tập trung vào việc thăm viếng các giáo phẩm trong tổ chức Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), từ miền cao nguyên cho đến vùng duyên hải, từ đồng bằng cho đến các hải đảo, từ trung tâm đô thị đến vùng nông thôn xa xôi. Các nhiệm kỳ gần đây của Hội đồng Giáo phẩm đều cho thấy sự ưu tiên rõ rệt cho công tác thăm viếng này [Kon Sa Ha Hack, 2024: 18]. Thông qua đó, Hội đồng góp phần khích lệ, động viên các giáo phẩm “sống phúc âm, phục sự Thiên Chúa, phục vụ tổ quốc và dân tộc” theo đường hướng của Hội Thánh.

Dù đây là hoạt động chính yếu và có giá trị tinh thần cao của Hội đồng Giáo phẩm, nhưng trong bối cảnh số lượng giáo phẩm tăng nhanh (từ 247 vào năm 2001 đến nay là 1.660 giáo phẩm), việc thăm viếng hiện nay gặp nhiều hạn chế, thậm chí đôi khi mang tính hình thức hơn là thực chất. Hội đồng Giáo phẩm, với nguồn lực về nhân sự và tài chính còn khiêm tốn, không thể thực hiện việc thăm từng cá nhân như trước đây, mà chỉ có thể tổ chức các buổi thăm viếng tập trung theo vùng hoặc tỉnh, mang tính đại diện và tổng quát.

Với nhiệm vụ nâng đỡ và gây dựng chức vụ, ngoài hoạt động thăm viếng, Hội đồng Giáo phẩm còn phối hợp cùng Ban Trị sự Tổng Liên hội tổ chức các khóa tu nghiệp cho các giáo phẩm và vợ các giáo phẩm, với hàng ngàn lượt người tham dự mỗi khóa. Các thành viên Hội đồng Giáo phẩm cũng thường xuyên tham gia giảng bồi linh, huấn luyện tại các chi hội và các kỳ hội đồng cấp tỉnh, thành.

Tuy nhiên, do không phải là các chức vụ chuyên trách, các thành viên Hội đồng Giáo phẩm thường kiêm nhiệm nhiều vai trò khác như quản nhiệm chi hội, thành viên Ban Đại diện tỉnh/thành, hoặc cả Ủy viên Ban Trị sự Tổng Liên hội. Vì vậy, việc dành thời gian cho các hoạt động của Hội đồng Giáo phẩm cũng bị giới hạn. Nhìn tổng thể, Hội đồng Giáo phẩm hiện nay hoạt động gần giống như một Ban Thăm viếng giáo phẩm, còn Đại Hội đồng Giáo phẩm tương đương với Hội đồng bồi linh hoặc Hội đồng linh tu như cách gọi truyền thống trước kia. Do đó, Mục sư Mã Phúc Hiệp, Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm, đã từng đúc kết công tác của Hội đồng là đem đến cho các giáo phẩm “Lời Kinh Thánh, Lời cầu nguyện, và Lời thăm hỏi”.

Rõ ràng, vai trò của Hội đồng Giáo phẩm đã không còn là một thiết chế tư pháp như trước đây, bởi chức năng giám sát nay thuộc về Đại Hội đồng Tổng Liên hội; trong khi quyền phong phẩm và kỷ luật hoàn

toàn do Ban Trị sự Tổng Liên hội nắm giữ. Các chức năng hiện tại của Hội đồng mang tính chất thuộc linh và tinh thần hơn là hành chính. Ngay cả việc tổ chức Đại Hội đồng Giáo phẩm và các khóa tu nghiệp cũng chủ yếu do Ban Trị sự Tổng Liên hội đảm trách. Điều này từng được viện dẫn để đề xuất giải thể cơ chế này trong nhiều kỳ đại hội. Thậm chí, hoạt động thăm viếng – vốn là điểm mạnh nhất của Hội đồng Giáo phẩm – lại đang được các cơ quan khác trong giáo hội thực hiện thường xuyên và hiệu quả hơn. Đó cũng chính là lý do mà số phận của cơ chế Hội đồng Giáo phẩm đã nhiều lần trở thành chủ đề tranh luận tại các kỳ Đại Hội đồng Giáo phẩm và Tổng Liên hội.

Kết luận

Mặc dù Hiến chương 2001 của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được xem là một bước tiến quan trọng về mặt tổ chức [Nguyễn Thanh Xuân, 2019: 419], song, vẫn tồn tại những hạn chế, thể hiện qua việc phải liên tục sửa đổi, bổ sung qua các kỳ Đại Hội đồng. Ý tưởng về cơ chế Hội đồng Giáo phẩm xuất hiện từ Dự án Hiến chương năm 1970, và được Ban Soạn thảo Hiến chương 2001 kế thừa với sự quan tâm đặc biệt. Dầu vậy, việc hiện thực hóa ý tưởng này trong Hiến chương 2001 mới chỉ dừng lại ở mức độ tương đối.

Một cơ chế tưởng chừng như rất lý tưởng về mặt tổ chức, để giúp cho giáo hội được dân chủ, minh bạch, và cân bằng về mặt quyền lực, đặc biệt, khi cấp Địa hạt Liên hội vốn tồn tại từ năm 1927, đã không còn tồn tại trong Hiến chương 2001. Cơ chế Hội đồng Giáo phẩm từng được kỳ vọng sẽ góp phần xây dựng một mô hình tổ chức dân chủ, minh bạch và cân bằng quyền lực, nhất là trong bối cảnh cấp Địa hạt Liên hội - từng tồn tại từ năm 1927 - đã bị loại bỏ trong Hiến chương 2001.

Tuy nhiên, trên thực tế, cơ chế Hội đồng Giáo phẩm được nhận định là “quá mới mẻ, ít người hiểu rõ,” gây ra không ít bất đồng và thậm chí là chia rẽ trong nội bộ giáo hội [Thái Phước Trường, 2011: 143]. Điều đó, cũng phản ánh phần nào bối cảnh Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) từng không có tư cách pháp nhân trong một thời gian dài trước năm 2001, dẫn đến sự đứt gãy trong tổ chức và tiến trình củng cố cơ cấu giáo hội – vốn trước năm 1976 từng được duy trì thông qua các kỳ Đại Hội đồng Tổng Liên hội tổ chức thường niên.

Ngoài ra, việc áp dụng mô hình tổ chức mang tính chính trị - xã hội như tam quyền phân lập vào cơ cấu tôn giáo cũng bộc lộ những điểm

không tương thích, dẫn đến tranh luận kéo dài suốt 15 năm (2002–2017) về cơ chế Hội đồng Giáo phẩm. Đây là bài học kinh nghiệm không chỉ riêng cho Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), mà còn hữu ích đối với các tổ chức tôn giáo và xã hội nói chung.

Số phận của Hội đồng Giáo phẩm và Đại Hội đồng Giáo phẩm đã trở thành chủ đề thảo luận lặp đi lặp lại trong toàn giáo hội. Điều đó cho thấy, giáo hội đã không ngừng cân nhắc về tính cần thiết của cơ chế này. Tuy nhiên, các đề xuất bãi bỏ vẫn chưa bao giờ đạt đủ tỉ lệ biểu quyết theo quy định để được thông qua. Những rắc rối về cơ chế Hội đồng Giáo phẩm chỉ mới từng bước được tháo gỡ trong vài năm gần đây thông qua điều chỉnh Hiến chương và Nội quy nhằm thích ứng với thực tiễn tổ chức và nhu cầu phát triển của giáo hội.

Vì vậy, để cơ chế Hội đồng Giáo phẩm trong tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) thực sự phát huy được vai trò, cần tiếp tục có các nghiên cứu chuyên sâu nhằm đánh giá tính cần thiết, hiệu quả và vai trò cụ thể của cơ chế này. Nhất là trong khoảng thời gian hơn hai mươi năm qua, giáo hội đã chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ về quy mô tổ chức và số lượng giáo phẩm. Từ đó, đề xuất các điều chỉnh cụ thể trong Hiến chương để nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Giáo phẩm, qua đó đóng góp thiết thực cho sự phát triển bền vững của giáo hội và phát huy các giá trị cốt lõi của Đạo Tin Lành./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kon Sa Ha Hăck (2024), “Lược trình công tác hoạt động của Hội đồng Giáo phẩm nhiệm kỳ 2022-2024,” *Tài liệu Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 11*.
2. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1970), *Dự án Hiến chương của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 1970*, Nhà in Tin Lành, Sài Gòn.
3. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) (2022), *Hiến chương*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội.
4. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2001), *Nội quy, Giáo luật, Kỷ luật*, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
5. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2002), *Hiến chương*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
6. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2002), *Biên bản Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ nhất*, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
7. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2003), *Biên bản Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 2*, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.

8. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2005), Biên bản Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 44, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
9. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2008), Biên bản Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 4, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
10. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2012), Biên bản Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 6, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
11. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2013), Biên bản Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 46, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
12. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2014), Biên bản Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 7, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
13. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2016), Nội quy, Giáo luật, Kỷ luật, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
14. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2017), Biên bản Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 47, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
15. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2022), Biên bản Đại Hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 48, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
16. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) (2024), Biên bản Đại Hội đồng Giáo phẩm lần thứ 10, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Xuân Hùng (2017), “Hệ thống tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam thời kỳ đầu (1927-1954),” Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11(167).
18. Hồ Nguyên Kha (2022), Tài liệu hợp nhất Hiến chương 2001 và các Nghị quyết của Đại Hội đồng Tổng Liên hội, Lưu hành nội bộ.
19. Lê Hoàng Phu (2010), Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965), Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
20. Phạm Xuân Tín (1991), Lược sử Giáo hội Tin Lành Việt Nam, Lưu hành nội bộ.
21. Thái Phước Trường (2011), Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 100 năm hình thành và phát triển, Lưu hành nội bộ, TP. Hồ Chí Minh.
22. Nguyễn Thanh Xuân (2019), Đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
23. Trần Thị Hồng Yến (2020), “Cơ cấu tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) ở tỉnh Gia Lai,” Tạp chí Dân tộc học, số 3.

Abstract

**AN EXAMINATION OF THE ORGANIZATIONAL
STRUCTURE AND OPERATIONAL MECHANISMS OF THE
COUNCIL OF PASTORS UNDER THE EVANGELICAL
CHURCH OF VIETNAM (SOUTHERN)**

Ho Nguyen Kha

*Commissioner, Executive Committee of the General Confederation,
Evangelical Church of Vietnam (Southern)*

The 1970 Constitution Project of the Evangelical Church of Vietnam introduced the concept of separating powers within the church organization. This led to the establishment of the General Ministers Assembly, the Supervisory Council, and the Disciplinary Council, which acted as a judicial body. These bodies were in addition to the Executive Board as the executive body and the National General Assembly as the legislative body. The 2001 Constitution of the Evangelical Church of Vietnam (South) adapted and modified this model to better fit the new circumstances. However, the practical implementation of the Ministers Committee led to numerous conflicts over authority and responsibilities, sparking ongoing debates within the church. Significantly, these issues have been recently resolved through amendments to the Constitution and Regulations of the Evangelical Church of Vietnam (South), specifically addressing the authority and responsibilities of the General Ministers Assembly and the Ministers Committee. These changes have helped to clearly define the current role of the Ministers Committee within the Evangelical Church of Vietnam (South).

Keywords: General Ministers Assembly, the Evangelical Church of Vietnam (Southern)